

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HC VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HC VIETNAM TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HC VIETNAM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108738378

**3. Ngày thành lập:** 14/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 16/16, ngõ 1277/134 Đường Giải phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                          | 8299     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh;                                                                                                                               | 4322     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. - Chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh... | 4649     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;        | 4663     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                    | 4669     |
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4752     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nước hoa, nước thơm<br>- Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;<br>- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...                                                                                                                                                                                                                    | 4772        |
| 8.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4773        |
| 9.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4789        |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8110        |
| 11. | Vệ sinh chung nhà cửa<br>Các hoạt động vệ sinh nói chung (không chuyên dụng) cho tất cả các loại công trình, như:<br>+ Văn phòng,<br>+ Căn hộ hoặc nhà riêng,<br>+ Nhà máy,<br>+ Cửa hàng,<br>+ Các cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8121        |
| 12. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác;<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống;<br>- Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi<br>- Vệ sinh máy móc công nghiệp;- Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...;- Vệ sinh mặt đường và tàu chở dầu trên mặt biển;<br>- Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng;<br>- Quét đường và cào tuyết; | 8129(Chính) |
| 13. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8130        |
| 14. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2023        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, màn, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt.     | 2220 |
| 16. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                            | 2310 |
| 17. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>- Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...<br>- Sản xuất bàn chải giày, quần áo; | 3290 |
| 18. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                          | 3700 |
| 19. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                         | 3811 |
| 20. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                               | 3821 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                         | 4329 |
| 23. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330 |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                 | 4653 |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                        | 4659 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: MAI VĂN CHIẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 03/06/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 173316887

Ngày cấp: 14/09/2010

Nơi cấp: Công an Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Ngoại, Xã Hà Thanh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thanh Ngoại, Xã Hà Thanh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: MAI VĂN CHIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/06/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 173316887

Ngày cấp: 14/09/2010

Nơi cấp: Công an Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Ngoại, Xã Hà Thanh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thanh Ngoại, Xã Hà Thanh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội